

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày 30-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Phạm Văn Kho

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/3/1992 tại Quảng Bình. HKTT: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi ở hiện nay: Thôn Đ 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D2 (đã chết) và bà Lê Thị D3, sinh năm 1967; có chồng là Nguyễn Đức H2, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2017), có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/7/2020 đến ngày 15/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

2. Mai Văn T, sinh ngày 23/4/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935; có vợ là Đoàn Thị

T2, sinh năm 1973; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/7/2020 đến ngày 15/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Văn T1, sinh ngày 02/12/1969 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1942; có vợ là Phạm Thị T4, sinh năm 1975; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/7/2020 đến ngày 15/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/9/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H5 (đã chết) và bà Hoàng Thị D4, sinh năm 1955; có vợ là Lò Thị P, sinh năm 1976; có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/7/2020 đến ngày 15/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Duy H1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/7/2020, Đỗ Văn T1, Mai Văn T và anh Nguyễn Duy H1 đến quán karaoke T ở thôn Đ 2, xã Đ để hát, do quán không còn phòng nên cả nhóm ngồi uống nước và gặp Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H, T, T1, L cùng rủ nhau về phòng trọ của H để đánh bạc bằng hình thức đánh lốc được thua bằng tiền. Anh H1 đi theo để đợi T1 và T cùng về nhà. Tại đây, cả nhóm sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn trong phòng trọ của H để đánh lốc và quy ước 10.000 đồng/01 lá bài, nghĩa là khi kết thúc một ván bài, mỗi lá bài còn lại tương ứng với số tiền người chơi bị thua là 10.000 đồng; nếu chưa đánh được lá bài nào nghĩa là “cháy” thì người chơi bị thua 200.000 đồng; nếu người nào báo “lốc” thì những người chơi còn lại mỗi người bị thua 300.000 đồng. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, anh H1 chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Đến 00 giờ 15 phút ngày

13/7/2020, Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 13.510.000 đồng và 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân bài (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ) tại chiếu bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-KT ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Mai Văn T, Đỗ Văn T1, Nguyễn Văn L đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

Nguyễn Thị H khai: H là nhân viên của quán karaoke T, thuê nhà trọ của anh Bùi Văn Đông (tức Bùi Văn Nhiên) tại thôn Đ 2, xã Đ để ở. Tối ngày 12/7/2020, H gặp L, T1, T và anh H1 tại quán karaoke T. Do chưa có phòng hát nên mọi người ngồi chờ uống nước. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H, T, T1, L cùng rủ nhau đi bộ về phòng trọ của H để đánh bạc bằng hình thức đánh lốc được thua bằng tiền. Tại đây, cả nhóm sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn trong phòng trọ của H để đánh bạc. Anh H1 chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. H dùng số tiền 3.300.000 đồng đánh bạc, bị thua 1.720.000 đồng, còn lại 1.580.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc. Đến 00 giờ 15 phút ngày 13/7/2020 bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Mai Văn T và Đỗ Văn T1 khai nhận thống nhất như lời khai của H: Tối ngày 12/7/2020, T1, T và anh H1 đi xe taxi từ nhà đến quán karaoke T ở thôn Đ 2, xã Đ để hát. Do quán không còn phòng nên cả nhóm ngồi uống nước và gặp L, H (H là nhân viên của quán và mọi người đã quen biết nhau từ trước). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H, T, T1, L cùng rủ nhau về phòng trọ của H để đánh bạc bằng hình thức đánh lốc được thua bằng tiền và sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn trong phòng trọ của H để đánh bạc. Anh H1 đi theo để đợi T1 và T cùng về nên chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. T dùng số tiền 3.710.000 đồng đánh bạc, bị thua 860.000 đồng, còn lại 2.850.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc. T1 dùng số tiền 3.500.000 đồng đánh bạc, T 500.000 đồng, tổng số tiền 4.000.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc. Đến 00 giờ 15 phút ngày 13/7/2020, bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Nguyễn Văn L khai nhận thống nhất như lời khai các bị cáo: Tối ngày 12/7/2020, L đến quán karaoke T để hát thì gặp H, T, T1 và anh H1, và cùng ngồi uống nước. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H, T, T1, L cùng rủ nhau đi bộ về phòng trọ của H ở thôn Đ 2, xã Đ để đánh bạc bằng hình thức đánh lốc được thua

bằng tiền. Anh H1 đi theo có mặt tại chiếu bạc nhưng chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. L dùng số tiền 3.000.000 đồng đánh bạc, T 2.080.000 đồng, tổng số tiền 5.080.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc. Đến 00 giờ 15 phút ngày 13/7/2020, bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy H1 khai: Tôi ngày 12/7/2020, anh và T1, T cùng đi xe taxi từ nhà đến quán karaoke T ở thôn Đ 2, xã Đ để hát. Tại đây cả nhóm gặp L và H, do quán không còn phòng hát nên mọi người ngồi uống nước để chờ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H, T, T1, L cùng rủ nhau về phòng trọ của H để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh lốc. Anh H1 đi theo để đợi T1 và T cùng về. Trong khi các đối tượng đánh bạc, anh chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc, không có hành vi gì giúp sức các bị cáo đánh bạc. Đến 00 giờ 15 phút ngày 13/7/2020, Công an huyện K bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc và thu giữ vật chứng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: + Nguyễn Thị H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nH2 cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

+ Mai Văn T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nH2 cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

+ Đỗ Văn T1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nH2 cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

+ Nguyễn Văn L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nH2 cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền các bị cáo T, T1, L: Mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo H hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập kinh tế ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 13.510.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ).

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện T1, biên bản khám nghiệm hiện T1, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút ngày 12/7/2020 đến 00 giờ 15 phút ngày 13/7/2020 Nguyễn Thị H, Mai Văn T, Đỗ Văn T1 và Nguyễn Văn L đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh lốc được thua bằng tiền tại nhà trọ của Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 13.510.000 đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị H, Mai Văn T, Đỗ Văn T1 và Nguyễn Văn L đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân. Đồng thời là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo H tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 3.300.000 đồng

đánh bạc, là người chuẩn bị quân bài, sử dụng địa điểm mình thuê trọ để các đối tượng đánh bạc. Nên H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo khác. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 3.710.000 đồng đánh bạc nhiều nhất. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng; có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng ba và Huân chương kháng chiến Hạng ba, có mẹ đẻ là cựu tù binh kháng chiến chống đế quốc, gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T1, L tham gia đánh bạc tích cực. Bị cáo T1 dùng số tiền 3.500.000 đồng đánh bạc, bị cáo L dùng số tiền 3.000.000 đồng đánh bạc. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng, đều được gia đình bảo lãnh có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo H hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, thu nhập kinh tế không ổn định, tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, có cơ sở chấp nhận nên không đặt ra phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo T, T1, L bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 13.510.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ); cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, anh Nguyễn Duy H1 có mặt tại chiếu bạc nhưng không tham gia đánh bạc; các đối tượng đánh bạc tại nhà anh Bùi Văn Đ1 (tức Bùi Văn N) cho bị cáo H thuê trọ, anh Đ không biết việc H sử dụng nhà để đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Nguyễn Thị H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Mai Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Đỗ Văn T1 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T, T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

T1 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước: Mai Văn T 10.000.000đ (mười triệu đồng); Đỗ Văn T1 10.000.000đ (mười triệu đồng); Nguyễn Văn L 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 13.510.000đ (mười ba triệu năm trăm mười nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước (theo biên lai thu tiền số AA.0002828 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tứ lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ) (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong phần phạt tiền thì các bị cáo T, T1, L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Mai Văn T, Đỗ Văn T1, Nguyễn Văn L: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- UBND xã T, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền